

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V- TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Công Trình

2. Ông Trần Đình Đậu

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hoàng Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Khánh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/QĐ-HPT ngày 28/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1973

ĐKHKTT tại: Khu Đề Ngừ, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1978

ĐKHKTT: Tổ 2, phố T1 (nay là phố Tân Tiên), phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2023, bản tự khai ngày 04/5/2023 và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 18/01/1999, anh Nguyễn Ngọc C và chị Lê Thị

H đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh C tại xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đến khoảng năm 2010, vợ chồng mua nhà và sống tại Tổ 2, phố T1 (nay là phố Tân Tiến), phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đến khoảng năm 2018, vợ chồng bán nhà và do có mâu thuẫn khác biệt trong quan điểm sống nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, anh C không liên lạc được với chị H. Anh C liên lạc với gia đình chị H nhưng cũng không ai cho anh C biết chị H đang ở đâu. Nay anh C nhận thấy tình cảm với chị H không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh C trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thế L, sinh ngày 27/10/1999. Từ năm 2018 vợ chồng ly thân đến nay, cháu L sống cùng mẹ. Khi ly hôn, anh C không đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu L vì cháu đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định vợ chồng có nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về C sức đóng góp: Anh C xác định vợ chồng không có, ly hôn anh không đề nghị gì.

Tại phiên tòa, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt (Đơn đề ngày 09/6/2023). Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh C trình bày anh vẫn giữ nguyên quan điểm như trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H.

Phía bị đơn, chị Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 04/5/2023, Tòa án đã tiến hành xác minh tại C an phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị Lê Thị H Tổ 2, phố T1 (nay là phố T2), phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, đều có nội dung xác định: Chị Lê Thị H và con trai Nguyễn Thế L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 2, phố T1 (nay là phố Tân Tiến), phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Từ khoảng năm 2018 đến nay, chị Lê Thị H và gia đình không có mặt tại nơi cư trú, hộ khẩu của chị H vẫn ở địa chỉ trên, cụ thể chị H và gia đình hiện đang ở đâu, chính quyền địa phương không nắm rõ. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/5/2023, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc C đã có đơn đề nghị thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với chị Lê Thị H. Anh C

trình bày đã không liên lạc với chị H và con trai là Nguyễn Thế L kể từ năm 2018 khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ngày 17/5/2023, Tòa án đã ra thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với chị Lê Thị H và tiến hành đăng tin thông báo về việc anh C khởi kiện xin ly hôn chị H tại Tòa án nhân dân thành phố V trên các phương tiện thông tin đại chúng 03 số liên tiếp nhưng chị H vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, BLTTDS, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 180, Điều 273, Điều 280 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc C được ly hôn chị Lê Thị H.

Về con chung: Do chị H không đến Tòa làm việc nên không có quan điểm về vấn đề con chung. Anh C không đề nghị Tòa án giải quyết đối với con chung là Nguyễn Thế L, sinh ngày 27/10/1999 vì cháu L đã trưởng thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định vợ chồng có nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về C sức đóng góp: Anh C xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng : Anh C phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 15/3/2023, anh Nguyễn Ngọc C nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với chị Lê Thị H, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Lê Thị H vắng mặt tại nơi cư trú từ khoảng năm 2018. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và đăng tin thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với chị H theo đề nghị của nguyên đơn nhưng chị H vẫn vắng mặt tại Tòa án không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C, chị H là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Ngọc C và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào ngày 18/01/1999 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai bên sống hòa thuận đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh C nhận thấy tình cảm với chị H không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu của chị H được biết từ khoảng năm 2018, chị H và con trai vắng mặt tại nơi cư trú và không xác định được cụ thể chị H đang ở đâu. Tòa án đã ra Quyết định thông báo đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với chị H theo đơn đề nghị của nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc C 03 số liên tiếp nhưng chị H vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Vì vậy mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng của anh C và chị H là trầm trọng, hai bên sống li thân nhau đã lâu, cho anh C ly hôn chị H là phù hợp thực tế và phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Anh C và chị H có 01 con chung là Nguyễn Thế L, sinh ngày 27/10/1999, cháu L sống với chị H từ năm 2018 khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, anh C không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung vì cháu L đã trưởng thành. Chị H không đến Tòa án nên không có quan điểm về việc nuôi con

chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung của anh C, chị H vì cháu Nguyễn Thế L, sinh ngày 27/10/1999 đã thành niên.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định vợ chồng có tài sản chung, nợ chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về C sức đóng góp chung: Anh C xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[7] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng : Anh C phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Anh C phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Ngọc C xin ly hôn chị Lê Thị H.

Xử cho anh Nguyễn Ngọc C ly hôn với chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết vì con chung là Nguyễn Thế L, sinh ngày 27/10/1999 đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung, C sức đóng góp chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Xác nhận anh C đã nộp toàn bộ lệ phí là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

5. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh C đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000147 ngày 15/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TP;
- Chi cục THADS TP. V;
- UBND xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Hoa

